

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *174* /2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày *13* tháng 11 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính,
viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: <i>C</i>
	Ngày: <i>19/11</i>

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan.

Điều 2. Quy định về mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

1. Mức phạt tiền quy định từ Chương II đến Chương VI tại Nghị định này được áp dụng đối với tổ chức. Cá nhân thực hiện cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh được quy định tại Chương VII của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của tổ chức; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với hành vi của cá nhân bằng 1/2 lần thẩm quyền xử phạt đối với hành vi của tổ chức.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
BUU CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ
BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 3. Vi phạm các quy định về giấy phép bưu chính

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo hoặc thông báo không đúng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính khi có thay đổi liên quan đến giấy phép bưu chính theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung ứng dịch vụ bưu chính không đúng với nội dung trong giấy phép bưu chính;

b) Tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong giấy phép bưu chính;

c) Không bảo đảm mức vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung ứng dịch vụ bưu chính mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính theo quy định của pháp luật;

b) Mua bán, cầm cố giấy phép bưu chính.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép bưu chính từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều này.

Điều 4. Vi phạm các quy định về thông báo hoạt động bưu chính

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo hoặc thông báo không đúng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính khi có thay đổi liên quan đến văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính;

b) Làm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam mà không có văn bản xác nhận thông báo hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung ứng dịch vụ bưu chính mà không có văn bản xác nhận thông báo hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính theo quy định của pháp luật;

b) Làm đại lý, đại diện, văn phòng đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài; nhận nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực bưu chính từ nước ngoài vào Việt Nam mà không có văn bản xác nhận thông báo hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính.

Điều 5. Vi phạm các quy định về hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng hoặc sử dụng không đúng dấu ngày hoặc thể hiện không chính xác thông tin về thời gian, địa điểm chấp nhận bưu gửi trên hợp đồng hoặc chứng từ xác nhận việc chấp nhận bưu gửi.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thẻ hiện không đúng hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật đối với hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính, chứng từ xác nhận việc chấp nhận bưu gửi;

b) Không sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt đối với hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính bằng văn bản;

c) Giao đại lý hoặc nhận làm đại lý dịch vụ bưu chính mà không có hợp đồng đại lý hoặc hợp đồng đại lý hết hiệu lực.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung ứng dịch vụ bưu chính không đúng loại hình dịch vụ đã giao kết trong hợp đồng đại lý.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhận nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực bưu chính từ nước ngoài vào Việt Nam mà hợp đồng nhượng quyền đã hết hiệu lực;

b) Làm đại diện cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nước ngoài mà hợp đồng đại diện đã hết hiệu lực.

Điều 6. Vi phạm các quy định về cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin về bưu gửi không đúng, không đầy đủ theo yêu cầu của dịch vụ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không chính xác thông tin liên quan đến dịch vụ bưu chính đang cung ứng;

b) Không niêm yết công khai hoặc niêm yết không đúng, không đầy đủ danh mục vật phẩm, hàng hóa không được gửi, chấp nhận, vận chuyển qua mạng bưu chính hoặc các quy định về điều kiện cung ứng dịch vụ bưu chính tại các điểm phục vụ.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về phát bưu gửi.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Từ chối trái pháp luật cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh;

b) Không báo cáo hoạt động trong các tổ chức quốc tế về bưu chính với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cung ứng dịch vụ bưu chính công ích không đúng quy định của pháp luật.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không theo dõi riêng các dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính dành riêng;

b) Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng kết quả cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của pháp luật.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng doanh thu từ các dịch vụ bưu chính dành riêng để trợ cấp cho các khoản lỗ do việc cung ứng các dịch vụ bưu chính cạnh tranh khác dưới giá thành;

b) Vi phạm các quy định về hoạt động bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác trong khuôn khổ các điều ước quốc tế về bưu chính mà Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Cung ứng hoặc khuyến mại dịch vụ bưu chính vi phạm quy định về phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng.

Điều 7. Vi phạm các quy định về vật phẩm, hàng hóa không được gửi, chấp nhận, vận chuyển qua mạng bưu chính

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Gửi hoặc chấp nhận hoặc vận chuyển bưu gửi chứa vật phẩm, hàng hóa từ Việt Nam đi các nước mà pháp luật Việt Nam quy định cấm xuất khẩu hoặc pháp luật của nước nhận quy định cấm nhập khẩu;

b) Gửi hoặc chấp nhận hoặc vận chuyển bưu gửi chứa vật phẩm, hàng hóa cấm sử dụng hoặc cấm lưu thông theo quy định của pháp luật;

c) Gửi hoặc chấp nhận hoặc vận chuyển bưu gửi chứa vật phẩm, hàng hóa cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật;

d) Gửi hoặc chấp nhận hoặc vận chuyển bưu gửi chứa vật phẩm, hàng hóa cấm vận chuyển bằng đường bưu chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.